TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 489/2024/HC-ST
Ngày 28/8/2024
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Đoàn;
Bà Trần Thị Quỳnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Đỗ Quyên, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 289/2024/TLPT-HC ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9128/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Khắc B; nơi đăng ký thường trú: Xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Phòng F - HomeCity, số A T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội); có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Hoàng Thị H1, Luật sư Công ty L1, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số A đường H, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng Trung C, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Nguyễn Việt P, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường

huyện C, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Hoàng Đình M, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là chủ sử dụng 781,4m^2 đất tại xã Đ, huyện C thuộc một phần thửa đất số 189, có diện tích 390,1m^2 và thửa đất số 203, có diện tích 391,3m^2 thuộc tờ bản đồ số 01, theo Trích đo địa chính số 201/2017-TL tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm K1 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H lập ngày 17/3/2017 và hồ sơ đo đạc, kiểm đếm tại thực địa. Diện tích đất nêu trên bị Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện C thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C tại xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng. Quá trình bồi thường, hỗ trợ tái định cư có nhiều bất cập, không đảm bảo công bằng, không đúng quy định của pháp luật nên bà Nguyễn Thị H đã có đơn kiến nghị gửi UBND huyện C đề nghị xem xét lại phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Ngày 10/5/2023, UBND huyện C ban hành Văn bản số 1292/UBND-TNMT về việc trả lời đơn kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi; bà H cho rằng nội dung trả lời là chưa phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Do đó, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu: Huỷ Văn bản số 1292/UBND-TNMT ngày 10/5/2023 của UBND huyện C về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của một số công dân tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng.

- Người bị kiện UBND huyện C trình bày:

Ngày 30/3/2023, UBND huyện C nhận được đơn đề nghị đề ngày 29/3/2023 của bà Nguyễn Thị H, đại diện cho 16 hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi tại xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng, có nội dung: Đề nghị được hỗ trợ không thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư hoặc hỗ trợ chênh lệch giá đất ở khu tái định cư và giá đất ở được bồi thường tương tự một số hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi cùng trên địa bàn xã Đ. Ngày 10/5/2023, UBND huyện C ban hành Văn bản số 1292/UBND-TNMT về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của công dân.

Các nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị H đã được UBND huyện C trả lời đầy đủ, rõ ràng theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện

của bà Nguyễn Thị H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T:

Không có ý kiến trình bày.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST ngày 21 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; các Điều 66, 69, 71, 75, 77, 129 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Toà án hủy Văn bản số 1292/UBND-TNMT ngày 10/5/2023 của UBND huyện C về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của một số công dân tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

- Ngày 04/6/2024, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H trình bày: UBND huyện C thu hồi đất và đã bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà tổng cộng 2.337.164.000 đồng, bao gồm tiền bồi thường về đất, tài sản, vật kiến trúc và cây trồng trên đất nhưng không xem xét, hỗ trợ bồi thường giá chênh lệch đất tái định cư 1.560.000 đồng/m^2 x 200m^2 = 312.000.000 đồng cho gia đình bà là không đúng, vì trong số các gia đình bị thu hồi đất liền kề với gia đình bà và 15 hộ dân khác thì có 04 hộ được thanh toán khoản tiền này. Việc UBND huyện C thực hiện giải quyết bồi thường, hỗ trợ như vậy là không công bằng, không đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà và 15 hộ dân khác. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: UBND huyện C thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C cửa ngõ quốc tế Hải Phòng nhưng việc bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân là chưa đúng pháp luật. Ngoài các khoản đã được bồi thường, hỗ trợ thì hộ bà Nguyễn Thị H và 15 hộ dân khác không được nhận hỗ trợ chênh lệch giá đất tái định cư 1.560.000 đồng/m^2, trong khi đó có 04 hộ dân liền kề khác cùng dải đất với hộ bà H và 15 hộ dân khác bị thu hồi đất của chính dự án này lại được nhận hỗ trợ khoản tiền chênh lệch đất tái định cư; việc bồi thường hỗ trợ của UBND huyện C như vậy là không công bằng, không đảm bảo quyền lợi cho gia

đình bà H và 15 hộ dân khác. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người khởi kiện bà H đã có yêu cầu đưa 15 hộ dân có đơn kiến nghị và không được nhận hỗ trợ chênh lệch giá đất tái định cư vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Toà án sơ thẩm không chấp nhận; việc thu thập tài liệu, chứng cứ của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ; bản án sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ chứng cứ để làm rõ có hay không có sự khác biệt trong việc áp dụng chính sách bồi thường đối với các hộ dân bị thu hồi đất của dự án này; chưa làm rõ vì sao trong cùng dự án có 04 hộ dân được nhận còn 16 hộ dân không được nhận khoản tiền hỗ trợ chênh lệch giá đất tái định cư, dẫn đến việc bản án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là không đúng pháp luật. Như vậy, bản án sơ thẩm đã có các vi phạm nghiêm trọng cả về tố tụng và nội dung nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T là trong thời hạn và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo và vắng mặt người bị kiện nhưng những người này đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người khởi kiện có kháng cáo đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người Toà án đã triệu tập. Xét thấy, mặc dù phiên toà được mở lần 01 nhưng những người tham gia tố tụng đã được triệu tập hợp lệ và những người vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại

diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 12/12/2023, bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu huỷ Văn bản số 1292/UBND-TNMT, ngày 10/5/2023 của UBND huyện C về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của một số công dân tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng; đây là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai có liên quan đến quyền và lợi ích của người khởi kiện. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng là đúng theo quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H có bổ sung nội dung khởi kiện về việc yêu cầu tuyên bố hành vi không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Đơn khiếu nại ngày 25/5/2023 của bà Nguyễn Thị H đối với Văn bản số 1292/UBND-TNMT ngày 10/5/2023 của UBND huyện C về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của một số công dân tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng. Xét thấy đây là trường hợp người khởi kiện vừa có khởi kiện quyết định hành chính, vừa có khởi kiện hành vi không giải quyết khiếu nại đối với cùng quyết định hành chính đó nên bản án sơ thẩm chỉ xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc huỷ Văn bản số 1292/UBND-TNMT ngày 10/5/2023 của UBND huyện C về việc trả lời nội dung đơn đề nghị của một số công dân tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng là đúng pháp luật. Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H còn có yêu cầu đưa 15 cá nhân, gồm bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn Q, ông Tô Hồng Q1, bà Phạm Thị Thu H2, bà Vũ Thị D, bà Phạm Thị Bích K, ông Đoàn Văn V1, bà Tô Thị T1, bà Tô Thị T2, bà Nguyễn Thị L, ông Tô Văn Đ, bà Nguyễn Thị M1, ông Đoàn Hữu T3, bà Nguyễn Thị N vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng việc giải quyết vụ án hành chính theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là không liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người nêu trên. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc đưa 15 cá nhân nêu trên vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

[1.5] Các quyết định của UBND huyện C gồm: Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp C cửa ngõ quốc tế Hải Phòng; Quyết định số 3231/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng và bảng tổng hợp phương án kèm theo; Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 28/4/2021 duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng

và phương án điều chỉnh, bổ sung kèm theo là các quyết định bị kiện có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện nên bản án sơ thẩm xem xét tính hợp pháp của các quyết định nêu trên là đúng pháp luật.

[2] Về nội dung; xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Gia đình bà Nguyễn Thị T4 (mẹ chồng bà H) sử dụng phần diện tích đất 1.071,6m^2 từ trước năm 1980. Năm 2003, bà T4 cho tặng cho toàn bộ diện tích đất này cho con trai là Nguyễn Văn T (chồng bà H), cùng năm 2003 ông T được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ đối với một phần diện tích đất là 512m^2 (gồm 400m^2 đất ở và 112m^2 đất vườn). Năm 2016, ông T tặng cho con gái là bà Nguyễn Thị V một phần thửa đất có diện tích 290,2m^2 (gồm 175m^2 đất ở và 105m^2 đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSDĐ và 10,2m^2 đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSDĐ). Phần diện tích đất còn lại 781,4m^2 (gồm 225m^2 đất ở, 165,1m^2 đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSDĐ và 391,3m^2 đất trồng cây lâu năm chưa được cấp GCNQSDĐ) thì ông T, bà H vẫn tiếp tục sử dụng ổn định đến thời điểm bị thu hồi đất và phần diện tích đất này là phù hợp với Trích đo địa chính số 201/2017-TL tỷ lệ 1/1000 do Trung tâm K1 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H lập ngày 17/3/2017, phù hợp với hồ sơ lưu trữ tại địa phương.

- Ngày 18/12/2020, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3246/QĐ-UBND về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng; cùng ngày, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3231/QĐ-UBND duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng và bảng tổng hợp phương án kèm theo. Tổng số tiền hộ bà Nguyễn Thị H được bồi thường, hỗ trợ là 2.324.340.000 đồng; trong đó: Bồi thường về đất đối với 781,4m^2 đất thu hồi là 296.219.000 đồng; bồi thường về vật kiến trúc trên đất thu hồi là 1.973.646.000 đồng; bồi thường cây cối hoa màu là 12.275.000 đồng; chính sách hỗ trợ (hỗ trợ tái định cư, hỗ trợ thu hồi đất sản xuất nông nghiệp) là 42.200.000 đồng. Số tiền sử dụng đất hộ bà Nguyễn Thị H phải nộp tại khu tái định cư là 558.000.000 đồng. Ngày 28/4/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số 442/QĐ-UBND duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng và phương án điều chỉnh, bổ sung kèm theo. Tổng số tiền hộ bà Nguyễn Thị H được bồi thường, hỗ trợ là 2.337.164.000 đồng; tăng 12.824.000 đồng do được điều chỉnh bổ sung khi bồi thường, hỗ trợ đối với vật kiến trúc trên đất.

- Theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì hộ bà Nguyễn Thị H đủ điều kiện được bồi thường khi thu hồi đất nên không đủ điều kiện để được xem xét biện pháp hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với đề xuất hỗ trợ khác theo mức chênh lệch giữa giá đất cụ thể để bồi thường theo từng vị trí và giá đất ở giao tại các khu tái định cư.

- Theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 76/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ T5 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì hộ bà Nguyễn Thị H không thuộc trường hợp được miễn giảm tiền sử dụng đất.

- Như vậy, việc UBND huyện C xác định diện tích đất thu hồi của hộ bà Nguyễn Thị H, ban hành các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, quyết định duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng và phương án điều chỉnh, bổ sung kèm theo là đúng pháp luật và việc UBND huyện C ban hành Văn bản số 1292/UBND-TNMT ngày 10/5/2023 trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị H và một số công dân tại thôn Đ, xã Đ, huyện C, thành phố Hải Phòng là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, nội dung. Bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ pháp luật.

- Các ý kiến đề nghị của người khởi kiện và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện tại phiên toà phúc thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2024/HC-ST, ngày 21/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền đã nộp tại các Biên

lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000428 và số 0000429 cùng ngày 10/6/2024 của Cục Thi hành hành dân sự thành phố H.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND TP Hải Phòng;*
- *VKSND TP Hải Phòng;*
- *Cục THADS TP Hải Phòng;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng